

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 417/2020/ HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 623/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phù Quốc Lê T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số B17, đường L, khóm 3, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Phương Đ trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Bà và Phù Quốc Lê T chung sống với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con. Nên bà và ông T đã ly thân 03 năm nay. Hiện bà yêu cầu xin ly hôn với ông T, nếu Tòa án không chấp nhận cho bà ly hôn với ông T thì bà cũng không thể nào quay về chung sống với ông T được. Do ông T không có thiện chí hòa giải nên bà cũng xin Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phù Trọng N, sinh ngày 19/11/2005. Khi ly hôn thì tùy theo ý kiến nguyện vọng của con chung, muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà khai vợ chồng không có nợ chung.

Đối với anh Phù Quốc Lê T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Phương Đ và ông Phù Quốc Lê T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Phù Quốc Lê T có nơi cư trú tại khóm 3, phường 1, thành phố M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ông Phù Quốc Lê T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phương Đ và ông Phù Quốc Lê T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của bà Phương Đ tại phiên tòa nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nên hiện nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông T. Bản thân ông T cũng không đến Tòa án hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời, ông T cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ điều đó cho thấy ông T cũng không có ý thức hàn gắn. Hiện cả bà Đ và ông T đã ly thân nhiều năm nay, hiện không ai quan tâm chăm sóc ai và mỗi người có cuộc sống riêng.

Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân của bà Đ và ông T thật sự đã trầm trọng, không thể kéo dài nếu tiếp tục sống chung cũng không có hạnh phúc. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông T có 01 con chung tên Phù Trọng N, sinh ngày 19/11/2005. Khi ly hôn thì tùy theo ý kiến nguyện vọng của con chung, muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến vào ngày 30/7/2020, nguyện vọng của cháu N là mong là muốn sống cùng mẹ là bà Nguyễn Phương Đ, hiện tại Tòa bà Đ cũng thống nhất nuôi dưỡng cháu Nguyên, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Cho nên tiếp tục giao cháu Nguyên cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ khai không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Đ khai không nợ ai, và không ai nợ lại ông bà nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phương Đ về việc xin ly hôn với ông Phù Quốc Lê T.

Về con chung: Giao Phù Trọng N, sinh ngày 19/11/2005, cho bà Nguyễn Phương Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phù Quốc Lê T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Bà Đ khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Phương Đ phải chịu. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002183 ngày 21/7/2020, được đối trừ, bà Đ đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 1, thành phố M tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

Phạm Kim Cương